

Bản án số: 29/2023/HS-ST

Ngày: 09 - 6 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Hải.

2. Ông Bùi Sỹ Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 24/2023/TLST-HS ngày 12/5/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HS ngày 25/5/2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/9/2003 tại huyện V, tỉnh Hậu Giang; nơi thường trú: Thôn T3, xã SA, thị xã A, tỉnh Gia Lai (hiện nay không có nơi ở cố định); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn D (đã chết) và bà Lê Thị H; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai, chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 12/6/2020, bị Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 51/2020/HSST, thời hạn tù tính từ ngày 19/4/2020, ngày 19/01/2021 chấp hành xong hình phạt tù, ngày 20/01/2021 chấp hành xong tiền án phí hình sự sơ thẩm; bị tạm giữ từ ngày 01/3/2023, tạm giam từ ngày 10/3/2023 cho đến nay. Có mặt.

* **Bị hại:** Nguyễn Thị S, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn T3, xã SA, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Trần Thị L, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn 2, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

* **Người làm chứng:**

1. Nguyễn Văn Th, sinh năm 1993; trú tại: Thôn T3, xã SA, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Đặng Thị Minh M, sinh năm 1990; trú tại: Thôn 2, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 05 phút ngày 28/02/2023, Nguyễn Văn T đi bộ trên đường phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu xanh đen bạc, biển số 81G1-306.xx của chị Nguyễn Thị S đang dựng trước hiên nhà ông Nguyễn Minh T ở thôn T 3, xã SA, thị xã A, tỉnh Gia Lai không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp. T đến chỗ chiếc xe mô tô, thấy trên xe mô tô có cắm sẵn chìa khóa ở ổ khóa điện nên dắt bộ ra trước khoảng 5m rồi ngồi lên xe, mở khóa đề nổ máy và điều khiển xe đến thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk bán cho chị Trần Thị L với giá 2.500.000đồng. Sau đó, T đón xe khách về lại xã SA, thị xã A, tỉnh Gia Lai. T lo sợ bị phát hiện nên ngày 01/3/2023 đã đến Công an xã SA, thị xã A đầu thú khai nhận toàn bộ nội dung hành vi phạm tội và giao nộp số tiền 2.200.000đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã tạm giữ vật chứng gồm: Một xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu xanh đen bạc, biển số 81G1-306.xx, số máy JA39E2499784, số khung RLHJA3920NY002525; tiền Việt Nam đồng: 2.200.000đồng.

Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 07/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã A xác định: Tại thời điểm ngày 28/02/2023, xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu xanh đen bạc, biển số 81G1-306.xx, số máy JA39E2499784, số khung RLHJA3920NY002525 trị giá 12.037.500đồng.

Xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an thị xã A đã trả lại cho chị Nguyễn Thị S một xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu xanh đen bạc, biển số 81G1-306.xx, số máy JA39E2499784, số khung RLHJA3920NY002525. Viện Kiểm sát nhân dân thị xã A đã trả lại cho chị Trần Thị L số tiền 2.200.000đồng. Sau khi nhận lại tài sản, chị S và chị L không có ý kiến, yêu cầu gì.

Về dân sự: Chị S và chị L không có yêu cầu gì về dân sự.

Tại Bản cáo trạng số: 29/CT-VKS ngày 11/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị áp dụng Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 năm 03 tháng

đến 01 năm 06 tháng tù. Về biện pháp tư pháp: Đề nghị căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Văn T còn phải nộp số tiền 300.000đồng do phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thị S trình bày hiện nay đã nhận lại xe mô tô biển số 81G1-306.xx và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an thị xã A, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, do đó đã có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 08 giờ 05 phút ngày 28/02/2023, tại nhà ông Nguyễn Minh Th ở thôn T3, xã SA, thị xã A, tỉnh Gia Lai, bị cáo Nguyễn Văn T lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu đã lén lút lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu xanh đen bạc, biển số 81G1-306.xx trị giá 12.037.500đồng của chị Nguyễn Thị S đem bán lấy tiền tiêu xài. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, nhưng không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội mới.

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên

tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Về dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T còn phải nộp số tiền 300.000đồng do phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ khoản 1 Điều 173; các Điều 38, 47; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;
2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 01/3/2023).
3. Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T còn phải nộp số tiền 300.000đồng do phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.
4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.
5. Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (09/6/2023), bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người vắng mặt tại phiên tòa được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đông Ánh Đông